

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thuật và ông Vũ Minh Đoan.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXX/HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Chu Văn P, sinh năm 1973.

Đăng ký HKTT: Thôn X, xã P, huyện P, Hà Nội.

Bị đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1976.

Đăng ký HKTT: Thôn X, xã P, huyện P, Hà Nội.

Hiện chị N đang ở nhờ nhà người thân tại tổ 6, ấp B, xã S, huyện X, Đồng Nai.

Anh P có mặt, chị N đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Chu Văn P trình bày:

Anh và chị Đào Thị N ở thôn X, xã P, huyện P, Hà Nội kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 1995. Sau khi cưới, chị N về chung sống với gia đình anh ngay. Vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng...sau một lần tranh cãi, chị N để lại con nhỏ cho anh nuôi, bỏ đi từ tháng 7/2002 và sống ly thân với anh từ đó đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn, ly thân đã lâu, phía chị N không muốn quay về đoàn tụ... nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đào Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Văn C sinh ngày 15/11/1995 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa xét.

Về tài sản chung, công nợ vợ chồng: Điều không có nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng phần ruộng canh tác của chị N hiện anh đang quản lý, khi nào chị N có nhu cầu thì anh sẽ giao trả chị N, không cần Tòa án can thiệp.

Về phía bị đơn Đào Thị N trình bày:

Chị và anh Chu Văn P đều là người cùng thôn, sau quá trình tìm hiểu, hai bên tiến tới hôn nhân vào năm 1995. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm nên tháng 6/2000, chị đã phải bỏ anh P về ở nhà mẹ đẻ. Sau khi quay về đoàn tụ một thời gian, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện nên năm 2002, một lần nữa chị lại quyết định bỏ đi cho đến nay. Nay anh P có đơn ly hôn, xác định tình cảm không còn vì đã ly thân nhiều năm, chị đồng ý ly hôn anh P để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Văn C sinh ngày 15/11/1995 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa xét.

Về tài sản chung, công nợ vợ chồng: Điều không có gì đáng giá nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không thể đến làm việc, chị N có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

UBND xã P, nơi cư trú của anh P, chị N có quan điểm :

Tại thời điểm giải quyết, chị Đào Thị N có hộ khẩu thường trú tại địa phương; Chị N vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhà đẻ ở thôn X, xã P; Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương giao các văn bản tố tụng cho người thân của chị N là chị Đào Thị N1 (chị gái), phía chị N1 đã nhận các văn bản tố tụng, hứa sẽ thông tin nội dung các văn bản nêu trên cho chị N nhưng từ chối ký nhận vào các biên bản giao nhận của Tòa án; mâu thuẫn giữa chị N, anh P đã đến mức trầm trọng do ly thân nhiều năm, phía chị N bỏ đi không chịu quy về đoàn tụ nên hôn nhân chỉ còn là hình thức... nên cần giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho cả hai bên; vợ chồng anh P, chị N có con chung là Chu Văn C đã trưởng thành và có gia đình riêng; Các vấn đề liên quan đến tài sản, công nợ chung của vợ chồng UBND không nắm rõ nhưng không thấy có tranh chấp về tài sản, công nợ phát sinh tại địa phương liên quan vợ chồng anh Phú , Nhớ kể từ trước đến nay.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Chu Văn P; Về con cái, tài sản chung và công nợ không có hoặc các bên không yêu cầu nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do chị Đào Thị N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt, hồ sơ đã thể hiện rõ quan điểm của chị N về giải quyết toàn bộ vụ án nên không cần thiết phải có sự có mặt của chị N, Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử bình thường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Anh Chu Văn P kết hôn với chị Đào Thị N từ năm 1995, là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, TP Hà Nội. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị N về chung sống với anh P ngay. Quá trình chung sống chỉ được một thời gian ngắn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô sát... nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 7/2002, chị N quyết định bỏ đi, sống ly thân anh P từ đó đến nay đã hơn 8 năm khiến anh P có đơn ly hôn. Quá trình tố tụng, phía chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn do ly thân nhiều năm nên đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai bên... Tại phiên tòa hôm nay, anh Chu Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị N và anh Chu Văn P đã đến mức trầm trọng do ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn khiến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình đã không đạt được; quá trình tố tụng cả hai phía đều nhận thức được sự tồn tại của hôn nhân chỉ còn là hình thức và đều mong muốn được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân nói trên... Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P và nguyện vọng của chị N, cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Văn C sinh ngày 15/11/1995 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Mặc dù cả anh P, chị N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không đề nghị Tòa xét nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt, phần tài sản chung, công nợ sẽ được tách ra để giải quyết thành một vụ kiện khác khi một trong hai bên đương sự có nhu cầu.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Chu Văn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Chu Văn P được ly hôn chị Đào Thị N.

2. Về án phí: Anh Chu Văn P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005830 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Anh P đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phùng Văn Phong